

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CUM'GAR
TỈNH ĐẮKLẮK**

Bản án số: 22/2021/DSST

Ngày 28- 5-2021

“V/v: Tranh chấp HĐ tín dụng”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CUM'GAR, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

- *Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Quang Cảnh.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Hà Thị Hương.

2. Bà Cao Thị Hồng Châu.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Bùi Thị Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cum'gar, tỉnh Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cum'gar tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Ngọc Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2021. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cum'gar, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 522/2020/TLST- DS, ngày 03/11/2020, về việc: *“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2021/QĐXXST-DS, ngày 19 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Q.

Đại diện theo pháp luật: ông Lê Hữu Đ, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Địa chỉ: Số 21 C, P. C, Q. Đ, Tp. H.

- Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Trần Ngọc A – chức vụ: chuyên viên thu hồi nợ - Chi nhánh Đ (*Văn bản ủy quyền số 9014/UQ-MBAMC, ngày 18/12/2020*) – *Có mặt.*

Địa chỉ: 37 Hai Bà T, Tp. B, tỉnh Đ.

2. Bị đơn: Ông Lê Văn L, bà Lê Thị Thanh T- *Vắng mặt.*

Nơi ĐKNKTT: Buôn S, xã C, huyện C, tỉnh Đ

Chỗ ở hiện nay: Buôn S, xã C, huyện C, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN;

** Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 18/12/2018 Ngân hàng thương mại cổ phần Q – Chi nhánh Đ (*ngân hàng Q*) và vợ chồng Ông Lê Văn L, bà Lê Thị Thanh T (*vợ chồng ông L*) có ký với nhau

hợp đồng tín dụng số: 814838.18.340.4711618.TD. Theo nội dung hợp đồng; ngân hàng Qcho vợ chồng ông L vay số tiền là 1.650.000.000 VND, (*một tỷ sáu trăm năm mươi triệu đồng*), mục đích vay để sử dụng bổ sung vốn đầu tư tài sản cố định và sản xuất nông nghiệp, lãi suất vay 11,65%/năm tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng và nhận nợ, Thời hạn vay 120 tháng.

Để đảm bảo cho các khoản vay nói trên, vợ chồng L đã ký Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số: 814847.18.340.4711618.TD, ngày 18/12/2018 với Ngân hàng để thế chấp 05 thửa đất (*đã rút 01 giấy chứng nhận QSD đất, còn lại 04*), Cụ thể 04 thửa đất còn lại như sau:

- Thửa đất số 106; tờ bản đồ số: 18; diện tích: 10634m², do sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu Nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số **CM 603981**, ngày 01/10/2018.

- Thửa đất số 107; tờ bản đồ số: 18; diện tích: 4320m², do sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu Nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số **CM 603986**, ngày 01/10/2018.

- Thửa đất số 12; tờ bản đồ số: 32; diện tích: 2795m², do sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu Nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 603990, ngày 01/10/2018.

- Thửa đất số 46; tờ bản đồ số: 20; diện tích: 7270m², do sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu Nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 603989, ngày 01/10/2018.

Cả 04 thửa đất này đều có địa chỉ tại xã E, huyện C, tỉnh Đ; đứng tên ông Lê Văn L và bà Lê Thị Thanh T.

Quá trình thực hiện hợp đồng, vợ chồng ông L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận của hợp đồng mà hai bên ký kết. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc bên vay trả nợ nhưng phía khách hàng cố tình lẩn tránh và bất hợp tác. Vì vậy ngân hàng buộc phải khởi kiện ra Tòa án để yêu cầu bên vay trả nợ. Tính đến thời điểm này (hết ngày 28/5/2021) vợ chồng ông L còn nợ tổng số tiền là 1.612.641.581 đồng; trong đó gốc là 1.249.999.143 đồng, lãi trong hạn là 46.623.751 đồng, lãi quá hạn là 276.634.341 đồng và phí phạt lãi trong hạn + quá hạn là 39.384.346 đồng. Đồng thời chúng tôi yêu vợ chồng ông L tiếp tục trả lãi phát sinh trên số nợ gốc kể từ ngày 29/5/2021 cho đến khi trả hết nợ, theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng mà hai bên ký kết.

Trường hợp vợ chồng ông L không trả hoặc không trả nợ đầy đủ thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại các tài sản đã thế chấp cho ngân hàng, theo hợp đồng thế chấp số 814847.18.340.4711618.TD, ngày 18/12/2018.

*** Bị đơn:** Bà Lê Thị Thanh T trình bày:

Ngày 18/12/2018, Ngân hàng Q – Chi nhánh Đ và vợ chồng tôi có ký với nhau hợp đồng tín dụng số: 814838.18.340.4711618.TD để ngân hàng cho vợ chồng tôi

vay số tiền là 1.650.000.000 VND, mục đích sử dụng để sử dụng để bổ sung vốn đầu tư tài sản cố định và sản xuất nông nghiệp, lãi suất vay 11,65%/năm tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng và nhận nợ, Thời hạn vay là 120 tháng.

Để đảm bảo khoản vay này, vợ chồng tôi có ký với ngân hàng Q hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số: 814847.18.340.4711618.TD ngày 18/12/2018 thế chấp cho ngân hàng 05 thửa đất. Quá trình thực hiện nghĩa vụ trả nợ, chúng tôi đã trả được một phần nợ gốc và lãi nên đã rút 01 thửa (sổ đỏ) ra, còn lại 04 thửa.

Tuy nhiên trên thực tế toàn bộ số tiền vay này chúng tôi không trực tiếp sử dụng mà cho người khác vay lại. Vì lý do người vay chưa trả nợ nên vợ chồng tôi chưa có để trả cho ngân hàng như thỏa thuận. Nay tôi xác định còn nợ ngân hàng số tiền nợ gốc là 1.249.999.143 đồng và lãi suất chưa trả như nội dung đơn khởi kiện của ngân hàng là đúng. Đối với khoản nợ này, chúng tôi đề nghị ngân hàng giảm bớt lãi suất để vợ chồng tôi có điều kiện trả nợ và xin trả dần toàn bộ khoản nợ trên mỗi năm một ít.

Về 04 tài sản đang theo thế chấp cho ngân hàng còn lại. Hiện tại toàn bộ 04 thửa đất này vợ chồng tôi đang là người trực tiếp quản lý, sử dụng và không có tranh chấp với người thứ ba.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa của Hội đồng xét xử, Thư ký và của các đương sự, cũng như phát biểu về quan điểm về giải quyết vụ án:

- *Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán:* Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử, Thẩm phán cơ bản đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Tuy nhiên còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 BLTTDS

- *Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa:* Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS.

- *Đối với đương sự:*

Nguyên đơn: Thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70; Điều 71 BLTTDS.

Bị đơn: Không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70; Điều 72; Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đây là quan hệ về tranh chấp về hợp đồng tín dụng. Việc vợ chồng ông L ký hợp đồng vay tiền với Ngân hàng là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Đến hạn trả nợ người vay không trả được nợ là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay.

Căn cứ các Điều 26; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) và Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 (BLDS) đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc vợ chồng ông L phải trả cho Ngân hàng Q tổng số tiền nợ tính đến hết

ngày 28/5/2021 là 1.612.641.581 đồng; trong đó nợ gốc là 1.249.999.143 đồng và lãi suất chưa trả. Đồng thời tiếp tục trả lãi phát sinh trên số nợ gốc kể từ ngày 29/5/2021 cho đến khi trả hết nợ, theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng mà hai bên ký kết.

Trường hợp vợ chồng ông L không trả nợ hoặc không trả nợ đầy đủ thì ngân hàng yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi toàn bộ tài sản đã thế chấp cho ngân hàng, theo hợp đồng thế chấp số 814847.18.340.4711618.TD, ngày 18/12/2018.

Vợ chồng ông L phải nộp án phí DSST và các chi phí tố tụng khác theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn Ông Lê Văn L, bà Lê Thị Thanh T mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Ngày 18/12/2018, vợ chồng ông L có ký với ngân hàng hợp đồng (hợp đồng tín dụng) để vay số tiền là 1.650.000.000 đồng, do không trả được nợ đúng hạn nên đã phát sinh quan hệ tranh chấp về Hợp đồng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 3, Điều 26 Bộ Luật tố tụng dân sự

[3] *Về nội dung:* Căn cứ vào lời khai của các đương sự và các tài liệu chứng cứ đã thu thập và có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở xác định:

Ngày 18/12/2018, Ngân hàng Q- Chi nhánh Đ và vợ ông Lai có ký với nhau hợp đồng tín dụng số: 814838.18.340.4711618.TD. Theo nội dung hợp đồng thì ngân hàng cho vợ chồng L vay số tiền là 1.650.000.000 VND, mục đích vay để sử dụng để bổ sung vốn đầu tư tài sản cố định và để sản xuất nông nghiệp, lãi suất vay 11,65%/năm tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng và nhận nợ, Thời hạn vay 120 tháng. Để đảm bảo cho các khoản vay nói trên, vợ chồng ông L đã ký Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số: 814847.18.340.4711618.TD ngày 18/12/2018 với Ngân hàng để thế chấp (05 thửa đất, đã rút 01 thửa, còn lại 04 thửa), Cụ thể như sau:

- Thửa đất số 106; tờ bản đồ số: 18; diện tích: 10634m², do sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu Nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số **CM 603981**, ngày 01/10/2018.

- Thửa đất số 107; tờ bản đồ số: 18; diện tích: 4320m², do sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu Nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số **CM 603986**, ngày 01/10/2018.

- Thửa đất số 12; tờ bản đồ số: 32; diện tích: 2795m², do sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu Nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số **CM 603990**, ngày 01/10/2018.

- Thửa đất số 46; tờ bản đồ số: 20; diện tích: 7270m², do sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu Nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số **CM 603989**, ngày 01/10/2018.

Cả 04 thửa đất này đều có địa chỉ tại xã E, huyện C, tỉnh Đ; đứng tên ông Lê Văn L và bà Lê Thị Thanh T.

Tính đến thời điểm này, vợ chồng ông L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng mà hai bên ký kết. Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu vợ chồng ông L có nghĩa vụ trả cho ngân hàng tổng số tiền nợ tính đến hết ngày 28/5/2021 là 1.612.641.581 đồng; trong đó gốc là 1.249.999.143 đồng, lãi trong hạn là 46.623.751 đồng, lãi quá hạn là 276.634.341 đồng và phí phạt lãi trong hạn và quá hạn là 39.384.346 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh trên số dư nợ gốc kể từ ngày 29/5/2021 cho đến khi trả hết nợ. Trường hợp không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng sẽ yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi toàn bộ tài sản đã thế chấp cho ngân hàng để thu hồi nợ.

Hội đồng xét xử xét thấy;

Đối với Hợp đồng tín dụng số: 814838.18.340.4711618.TD, ngày 18/12/2018. Việc ký hợp đồng giữa hai bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật cả về nội dung và hình thức. Do vậy đây là quan hệ tranh chấp về Hợp đồng tín dụng, được quy định trong Bộ luật dân sự và Luật các Tổ chức tín dụng. Đến kỳ hạn trả nợ, bên vay không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm thỏa thuận về nghĩa vụ trả nợ của bên vay trong Hợp đồng tín dụng, cũng như quy định tại Điều 466 Bộ Luật dân sự.

Đối với hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 814847.18.340.4711618.TD ngày 18/12/2018. Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và quá trình xác minh, thu thập chứng cứ thể hiện; các tài sản mà bên vay dùng để thế chấp cho ngân hàng đều là tài sản hợp pháp của bên vay (*vợ chồng ông Lai*), việc giao kết hợp đồng là phù hợp với các quy định tại các Điều 292, 293, 298, 317, 318, 319 của Bộ luật dân sự năm 2015. Sau khi ký kết hợp đồng, các bên đã thực hiện việc đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định và hiện tại không có tranh chấp gì về hợp đồng thế chấp này. Do vậy hợp đồng thế chấp là phù hợp với các quy định của pháp luật.

Từ những căn cứ nêu trên; Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc vợ chồng ông L phải trả cho Ngân hàng Q tổng số tiền nợ tính đến hết ngày 28/5/2021 là 1.612.641.581 đồng; trong đó gốc là 1.249.999.143 đồng, lãi trong hạn là 46.623.751 đồng, lãi quá hạn là 276.634.341 đồng và phí phạt lãi (*trong hạn và*

quá hạn) là 39.384.346 đồng và tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi trả xong nợ.

Sau khi vợ chồng ông L trả xong nợ gốc và nợ lãi, thì Ngân hàng có nghĩa vụ trả lại 04 Giấy chứng nhận QSD đất mà bên vay đang thế chấp cho ngân hàng. Trường hợp không trả hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản đã thế chấp (*04 thửa đất còn lại*), theo hợp đồng thế chấp số 814847.18.340.4711618.TD, ngày 18/12/2018 để thu hồi nợ.

[4] Về án phí án phí dân sự và chi phí tố tụng khác:

- *Về án phí*: Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Lê Văn L và bà Lê Thị Thanh T phải chịu 60.379.000 đồng (*làm tròn*) phí án phí DSST, cụ thể:

Tổng số tiền phải chịu án phí là 1.612.641.581 đồng.

36.000.000 đồng (+ 3% của phần vượt quá 800.000.000 đồng).

- *Về chi phí tố tụng*: Ông Lê Văn L và bà Lê Thị Thanh T phải chịu 6.000.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Ngân hàng được nhận lại số tiền 6.000.000 đồng tiền tạm ứng đã nộp, sau khi thu được từ ông Lê Văn L và bà Lê Thị Thanh T.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH;

- *Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39; Điều 144; Điều 147; khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.*

- *Áp dụng Điều 299; Điều 319; Điều 323; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.*

- *Áp dụng khoản 2 Điều 91; Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng.*

- *Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/10/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Q.

Buộc ông Lê Văn L và bà Lê Thị Thanh T phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q tổng số tiền nợ (*tính đến hết ngày 28/5/2021*) là 1.612.641.581 đồng (*một tỷ sáu trăm mười hai triệu sáu trăm bốn một ngàn năm trăm tám mươi một đồng*); trong đó gốc là 1.249.999.143 đồng, lãi trong hạn là 46.623.751 đồng, lãi quá hạn là 276.634.341 đồng và phí phạt lãi trong hạn và quá hạn là 39.384.346 đồng. Đồng thời tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 29/5/2021, theo thỏa thuận trong Hợp

đồng tín dụng số 814838.18.340.4711618.TD, ngày 18/12/2018 cho đến khi trả xong nợ.

Sau khi ông Lê Văn L và bà Lê Thị Thanh T trả xong nợ gốc và lãi, Ngân hàng thương mại cổ phần Q có nghĩa vụ trả lại **04** Giấy chứng nhận QSD đất mà bên vay đã thế chấp. Trường hợp không trả nợ hoặc không trả nợ đầy đủ thì Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại các tài sản là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất đã thế chấp, theo hợp đồng thế chấp số: 814847.18.340.4711618.TD, ngày 18/12/2018, giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội với ông Lê Văn L và bà Lê Thị Thanh T để thu hồi nợ. Cụ thể:

- Thửa đất số 106; tờ bản đồ số: 18; diện tích: 10634m², do sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đcấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu Nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số **CM 603981**, ngày 01/10/2018.

- Thửa đất số 107; tờ bản đồ số: 18; diện tích: 4320m², do sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đcấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu Nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số **CM 603986**, ngày 01/10/2018.

- Thửa đất số 12; tờ bản đồ số: 32; diện tích: 2795m², do sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đcấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu Nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số **CM 603990**, ngày 01/10/2018.

- Thửa đất số 46; tờ bản đồ số: 20; diện tích: 7270m², do sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đcấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu Nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số **CM 603989**, ngày 01/10/2018.

Cả 04 thửa đất này đều có địa chỉ tại xã E, huyện C, tỉnh Đ; đứng tên ông Lê Văn L và bà Lê Thị Thanh T.

[4] Về án phí án phí dân sự và chi phí tố tụng khác:

- *Về án phí:* Trả lại cho đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 28.495.000 đồng, theo biên lai số AA/2019/0016366, ngày 28/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn ông Lê Văn L và bà Lê Thị Thanh T phải nộp 60.379.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- *Về chi phí tố tụng khác:* Ông Lê Văn L và bà Lê Thị Thanh T phải chịu 6.000.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Ngân hàng thương mại cổ phần Q được nhận lại số tiền 6.000.000 đồng tiền tạm ứng đã nộp, theo phiếu thu số 15, ngày 31/12/2020 tại Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, sau khi thu được từ ông Lê Văn L và bà Lê Thị Thanh T.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niên yết bản án hợp lệ.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự “.

*** Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư M'gar;
- CCTHA huyện Cư M'gar;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VPCQ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN QUANG CẢNH

TV. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA
PHIÊN TÒA**

*** Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư M'gar;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- CCTHA huyện Cư M'gar;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VPCQ;

NGUYỄN QUANG CẢNH